

BÁO CÁO

**Công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính
năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021 như sau:

**I. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC THI HÀNH PHÁP LUẬT
VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

1. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật

Tiếp tục quán triệt triển khai quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành về xử phạt vi phạm hành chính trong năm 2021. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2021 về việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021 về kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021; Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 300-TB/TU ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2021 về triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Trên cơ sở Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh có 19/19 sở, ban, ngành và 15/15 Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ban hành kế hoạch thực hiện công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021 thuộc phạm vi quản lý tại cơ quan, đơn vị và địa phương.

Để kịp thời triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Chủ tịch UBND tỉnh đã có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 1914/VP-NC ngày 29 tháng 3 năm 2021 về việc tập huấn chuyên sâu về kỹ năng xử phạt vi phạm hành chính, hướng dẫn thực hiện các quy định mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính



Theo dõi, tập hợp những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính để kiến nghị trung ương xem xét. Đồng thời, Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số 2342/STP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 02 tháng 01 năm 2021 gửi Bộ Tư pháp về việc xin ý kiến giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong xử phạt vi phạm hành chính. Chủ động thường xuyên rà soát cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật của trung ương ban hành quy định về công tác xử lý vi phạm hành chính.

Thực hiện nghiêm việc lưu hồ sơ thống kê, kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính và các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, để kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các sai sót, hạn chế các trường hợp khiếu nại, tố cáo.

3. Công tác tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng, nghiệp vụ trong việc triển khai thi hành và áp dụng pháp luật xử lý vi phạm hành chính

Trong năm 2021, UBND tỉnh Kiên Giang đã quan tâm chỉ đạo và tổ chức triển khai kịp thời các văn bản của trung ương có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính, giúp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định, đảm bảo tính công khai, minh bạch, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót trong công tác xử lý vi phạm hành chính.

Thực hiện Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021, Sở Tư pháp đã xây dựng Kế hoạch phối hợp với UBND huyện Tân Hiệp và UBND huyện Kiên Lương tổ chức 02 lớp tập huấn pháp luật về xử lý vi phạm hành chính với hơn 300 đại biểu tham dự.

Do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp kéo dài nên công tác tuyên truyền, phổ biến và tập huấn chưa tiến hành theo kế hoạch. Tuy nhiên, Sở Tư pháp đã ban hành Công văn số 2616/STP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc gửi tài liệu triển khai Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính đến các sở, ban, ngành và địa phương và Công văn số 2968/STP-QLXLVPHC ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc triển khai thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn về kỹ năng, nghiệp vụ trong áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính cũng được quan tâm thực hiện thường xuyên nhằm kịp thời tuyên truyền, phổ biến các quy định có liên quan đến xử lý vi phạm hành chính cho người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức... dưới nhiều hình thức khác nhau như đăng tải thông tin, bài viết trên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị;



tổ chức hội nghị; phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng với nhiều hình thức bằng pano, băng rôn, tờ rơi, phát tài liệu, tuyên truyền trực tiếp tại cơ quan, đơn vị, với hơn 16.563 cuộc với 318.683 người tham dự; 52 bản tin; 154.805 tờ rơi, tờ gấp, tờ decal và in 5.800 cuốn tập tin có nội dung tuyên truyền (liên quan đến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính).

Đồng thời, với chức năng tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính tại địa phương, trong năm 2021, Sở Tư pháp đã tiếp nhận, trả lời các vướng mắc, kiến nghị của các đơn vị, địa phương liên quan đến công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức qua điện thoại và trả lời bằng văn bản.

4. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: Thực hiện Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021, nội dung kiểm tra việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính; việc áp dụng pháp luật về các biện pháp xử lý hành chính; việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, đối với 03 sở ngành: Cục Quản lý thị trường, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Sở Giao thông vận tải và 05 UBND cấp huyện: Phú Quốc, Hà Tiên, Hòn Đất, Gò Quao và Tân Hiệp. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2433/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Thực hiện theo Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2021 triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 300-TB/TU ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/TU của Tỉnh ủy. Sở Tư pháp đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 1450/KH-STP ngày 14 tháng 7 năm 2021 kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Thủy sản đối với: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Chi Cục thủy sản và 03 UBND cấp huyện: Phú Quốc, Hà Tiên và Hòn Đất.

Do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên Đoàn Kiểm tra không thực hiện kiểm tra trực tiếp tại các sở, ngành và UBND cấp huyện theo kế hoạch. Tuy nhiên, Đoàn Kiểm tra đã tổng hợp báo cáo của các đơn vị, địa phương và đã ban hành Báo cáo số 2605/BC-ĐKT ngày 25 tháng 11 năm 2021 báo cáo kết quả tự kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021.



II. TÌNH HÌNH VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Tình hình vi phạm hành chính

Công tác xử phạt vi phạm hành chính của tỉnh Kiên Giang từng bước đi vào nền nếp, các vụ việc xảy ra nhìn chung được phát hiện và xử lý kịp thời; trình tự, thủ tục xử phạt thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật, xử phạt đúng người, đúng hành vi vi phạm đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong thời gian qua đã góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, hậu quả do hành vi vi phạm gây ra được khắc phục kịp thời, góp phần đảm bảo việc lập lại trật tự pháp luật, thiết lập kỷ cương, ổn định xã hội, phát triển kinh tế của địa phương.

Tuy nhiên, tình hình vi phạm hành chính vẫn còn diễn biến phức tạp; các hành vi vi phạm hành chính về an ninh trật tự, giao thông vận tải, xây dựng, thương mại, vệ sinh an toàn thực phẩm, tệ nạn đánh bạc, trộm cắp, gây rối, vi phạm trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy, bạo lực gia đình, y tế... nhưng có chiều hướng giảm so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính của tình hình vi phạm hành chính là do ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm, có hành vi vi phạm nhiều lần, cố tình tìm cách trì hoãn hoặc trốn tránh không thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Việc cưỡng chế đối với người vi phạm còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thường là chậm trễ hoặc có trường hợp một số đối tượng không tự giác chấp hành quyết định xử phạt hành chính, cơ quan có thẩm quyền lúng túng trong áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt.

2. Tình hình xử phạt vi phạm hành chính

- Tổng số vụ bị xử phạt vi phạm: 48.487 vụ việc.
- Tổng số vụ có dấu hiệu phạm tội được chuyển để truy cứu trách nhiệm hình sự: 216 vụ (tăng so với cùng kỳ năm 2019 là 21 vụ).
- Tổng số vụ áp dụng biện pháp thay thế xử lý vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên là: 61 vụ.
- Tổng số đối tượng bị xử phạt: 44.575 đối tượng, trong đó: Tổ chức là 2.426, cá nhân là 42.149 đối tượng;
- Tổng số quyết định xử phạt: 44.309 quyết định.
- Tổng số quyết định đã thi hành: 37.497 quyết định.
- Tổng số quyết định hoãn, miễn, giảm: 469 quyết định.
- Tổng số quyết định bị cưỡng chế thi hành: 17 quyết định.
- Tổng số quyết định bị khiếu nại, khởi kiện: 5 quyết định.

- Tổng số tiền phạt thu được là: 84.535.998.378 (tám mươi bốn tỷ năm trăm ba mươi lăm triệu chín trăm chín mươi tám ngàn ba trăm bảy mươi tám đồng)

- Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu là: 7.468.091.500 (bảy tỷ bốn trăm sáu mươi tám triệu không trăm chín mươi một ngàn năm trăm đồng).

3. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

- Trong năm 2021, trên địa bàn tỉnh Kiên Giang tổng số trường hợp lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là: 262 trường hợp.

- Số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là: 246 trường hợp.

- Số lượng người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình: 02 người.

- Tổ chức thi hành các quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là:

+ Tổng số đối tượng đang chấp hành quyết định: 454 quyết định.

+ Tổng số đối tượng được tạm đình chỉ thi hành: 01 quyết định.

+ Tổng số đối tượng được giảm thời hạn thi hành: 0 quyết định.

+ Tổng số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định: 0 quyết định.

+ Tổng đối tượng được miễn chấp hành thời gian còn lại: 356 quyết định.

III. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CHỦ YẾU TRONG THỰC TIỄN THI HÀNH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định pháp luật

1.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính

Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, xử lý vi phạm hành chính còn bộc lộ một số hạn chế, khó khăn, đặc biệt là do sự bất cập, không thống nhất của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Cụ thể:

Về tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, tại Điều 26 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: "*Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là việc sung vào ngân sách Nhà nước vật, tiền, hàng hoá, phương tiện có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính, được áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức*". Như vậy, việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính chỉ áp dụng đối với vi phạm hành chính nghiêm trọng do lỗi cố ý của cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, thực tiễn rất nhiều trường hợp cá nhân, tổ chức vận chuyển hàng hóa nhưng không được



biết (chính xác, thực chất) là vận chuyển mặt hàng gì nên rất khó có thể chứng minh hành vi do lỗi cố ý, mặc dù mức độ vi phạm là nghiêm trọng.

Điều 74 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *“Thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 1 năm, trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt cố tình trốn tránh, trì hoãn thì thời hiệu nói trên được tính kể từ thời điểm việc trốn tránh, trì hoãn chấm dứt”*. Hiện nay, chưa có văn bản nào hướng dẫn về hành vi như thế nào của cá nhân, tổ chức được xác định là “trốn tránh, trì hoãn”.

Khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: *“Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước.”*

Quy định này cho đến nay không thực hiện được ở tỉnh Kiên Giang do các phương tiện vận tải hầu hết có giá trị lớn, người lái xe đa số là làm thuê, thu nhập thấp nên không có khoản tiền tương đương để nộp, dẫn đến quyết định xử phạt không thi hành được và không loại trừ trường hợp khi sang bán phương tiện chủ sở hữu không thực hiện thủ tục sang tên, đổi chủ theo quy định mà chỉ làm giấy tay, dẫn đến việc lợi dụng kẽ hở pháp luật, người vi phạm vừa là lái xe, vừa là chủ phương tiện hiện tại nhưng không có cơ sở để kết luận việc này, vì vậy, người vi phạm không có tiền nộp phạt và chủ phương tiện vẫn được nhận lại phương tiện của mình.

1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính

Nghị định số 139/2017/NĐ-CP không quy định về thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế trong trường hợp giấy phép xây dựng do UBND cấp huyện hoặc Sở Xây dựng cấp. Theo Nghị định số 139/2017/NĐ-CP và Thông tư số 03/2018/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, đối với công trình đang xây dựng sai hoặc không có Giấy phép, không phân biệt đủ, hoặc không đủ điều kiện cấp phép, trong 60 ngày tổ chức, cá nhân vi phạm phải làm thủ tục xin phép xây dựng; quá hạn sẽ bị buộc tháo dỡ. Trên thực tế thời hạn này có thể làm phát sinh thêm vi phạm; nếu cưỡng chế sẽ gây thiệt hại cho cả người vi phạm và Nhà nước, bởi có trường hợp không thể và không được cấp phép xây dựng.

Về kinh doanh xăng dầu, quy định chưa thống nhất giữa Nghị định và Thông tư đối với nghĩa vụ của thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu về việc đăng ký hệ thống phân phối: Tại khoản 9 Điều 23 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, quy định: *“Phải đăng ký hệ thống phân phối với Sở Công Thương địa phương nơi thương nhân có hệ thống phân phối. Phải gửi thông tin hệ thống phân phối của mình*

12/10/2018
 12/10/2018
 12/10/2018

cho bên nhượng quyền là thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu để đăng ký hệ thống phân phối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền". Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 38/2014/TT-BCT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, quy định: "Đăng ký định kỳ hệ thống phân phối xăng dầu của thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu với bên nhượng quyền, Sở Công Thương nơi thương nhân có hệ thống phân phối và Bộ Công Thương trước ngày 05 tháng 01 hàng năm, theo Mẫu số 1 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Khi có sự thay đổi trong hệ thống phân phối xăng dầu của mình, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc từ khi có sự thay đổi, thương nhân phải gửi đăng ký điều chỉnh về bên nhượng quyền, Sở Công Thương nơi thương nhân có hệ thống phân phối và Bộ Công Thương". Theo quy định nêu trên thì Nghị định không quy định thương nhân nhận quyền phải đăng ký với Bộ Công Thương, còn Thông tư thì có quy định phải đăng ký với Bộ Công Thương. Hành vi vi phạm "Không đăng ký hệ thống phân phối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định" được quy định xử phạt tại điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP: "Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định". Nếu theo Nghị định số 83/2014/NĐ-CP thì được hiểu là Sở Công Thương nơi thương nhân có hệ thống phân phối. Còn theo Thông tư số 38/2014/TT-BCT thì được hiểu bao gồm Sở Công Thương nơi thương nhân có hệ thống phân phối và Bộ Công Thương. Từ sự quy định chưa thống nhất này, trường hợp thương nhân nhận quyền đã đăng ký với Sở Công Thương nhưng chưa đăng ký với Bộ Công Thương thì vi phạm quy định khoản 1 Điều 11 Thông tư số 38/2014/TT-BCT.

Các vi phạm quy định kinh doanh LPG không có chế tài xử lý vi phạm các quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh khí; không xây dựng, áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng đối với sản phẩm khí, theo quy định tại khoản 13 Điều 20 và khoản 1 Điều 22 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP; không có đầy đủ quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố và quy định về an toàn được lãnh đạo cơ sở phê duyệt, theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

Vi phạm các quy định tại Thông tư số 20/2019/TT-BKHCN ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh khí và hoạt động công bố cơ sở pha chế khí tại Việt Nam: Không xây dựng kế hoạch và định kỳ thực hiện tự kiểm tra phương tiện đo, điều kiện thực hiện phép đo, theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 20/2019/TT-BKHCN; không xây dựng và thực hiện quy chế kiểm tra, kiểm soát và tổ chức thực hiện việc tuân thủ các quy định về chất lượng trong hoạt động kinh doanh khí của hệ thống phân phối khí do thương nhân quản lý, theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2019/TT-BKHCN.

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành

2.1 Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

2.1.1. Kinh phí; cơ sở vật chất, kỹ thuật

Kinh phí và các điều kiện, phương tiện là yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo hiệu quả, chất lượng của hoạt động quản lý xử lý vi phạm hành chính, nhất là việc xây dựng hồ sơ lưu trữ, kho lưu trữ... Thế nhưng hiện nay, chưa có văn bản pháp luật quy định cụ thể về vấn đề này như: Mức chi, nội dung chi, nguồn kinh phí.

Nguồn kinh phí, trang bị, phương tiện phục vụ cho việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với một số đơn vị còn hạn chế, phải thuê mượn phương tiện để thực hiện nhiệm vụ.

2.1.2. Tổ chức bộ máy, nhân sự

Một số sở, ngành vẫn còn hạn chế cả về số lượng cán bộ, công chức thực thi pháp luật lẫn trình độ chuyên sâu về xử lý vi phạm hành chính.

Tại Quyết định số 1950/QĐ-TTg quy định cụ thể giải pháp kiện toàn tổ chức các cơ quan tư pháp địa phương để giúp UBND các cấp thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

“Căn cứ vào yêu cầu và khối lượng công việc quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung biên chế cho Phòng Tư pháp cấp huyện, bảo đảm mỗi Phòng Tư pháp ít nhất 01 biên chế chuyên trách thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn theo quy định của pháp luật”.

Tuy nhiên, hiện nay chưa có văn bản nào của Trung ương quy định việc bố trí biên chế tại cấp huyện, phải kiêm nhiệm. Phòng Tư pháp cấp huyện gặp nhiều khó khăn do biên chế không tăng trong khi phải thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính, kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào trường giáo dưỡng.

2.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính tuy được quan tâm tăng cường nhưng chất lượng, hiệu quả chưa cao.

Công tác tổ chức tập huấn chuyên sâu để thực hiện đúng các quy định của Luật, Nghị định và Thông tư tuy có cố gắng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

Việc phối hợp tuyên truyền, thực hiện kiểm tra, xử lý giữa các cấp, các ngành chưa được chặt chẽ. Một số đơn vị chưa nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan

KIẾN GIẢI

trọng của công tác kiểm tra xử lý vi phạm hành chính, cử cán bộ thi hành công vụ còn mang tính hình thức, hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, dẫn tới hiệu quả của việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn thấp, làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật.

2.3. Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm hành chính

Công tác phối hợp giữa các ngành chức năng có liên quan trong công tác xử lý vi phạm hành chính tuy cố gắng nhưng còn thiếu chặt chẽ, chưa thường xuyên, mặc dù đã có Quyết định số 1040/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Việc thực hiện và áp dụng pháp luật và văn bản quy định ở các đơn vị, địa phương chưa thống nhất triệt để. Số lượng quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa được thi hành vẫn còn nhiều, dẫn đến tình trạng chấp hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chưa nghiêm, phần nào làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh, phòng ngừa vi phạm pháp luật.

2.4. Về việc báo cáo, thống kê

Công tác xử lý vi phạm hành chính được thực hiện ở nhiều lĩnh vực cơ quan, đơn vị, cán bộ thực hiện ở một số nơi còn kiêm nhiệm, việc ghi chép, tổng hợp có cơ quan, đơn vị thực hiện chưa đúng quy định dẫn đến tình trạng thống kê, báo cáo chưa đầy đủ, kịp thời gian thực hiện, báo cáo còn có đôi khi chậm trễ theo quy định gây khó khăn cho công tác tổng hợp.

2.5. Về công tác kiểm tra, thanh tra

Thường xuyên quan tâm, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính, các cơ quan đơn vị thực hiện nghiêm các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, chấn chỉnh kịp thời những hạn chế tồn tại trong công tác này. Tuy nhiên, về công tác kiểm tra, thanh tra việc xử lý vi phạm hành chính còn gặp nhiều khó khăn do theo quy định của pháp luật nhiều lĩnh vực, nhiều văn bản áp dụng, có nhiều ngành thực hiện theo biểu mẫu của ngành dọc nên khó xác định đúng, sai về lập thủ tục...

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

3.1. Nguyên nhân chủ quan

Công tác triển khai công tác thi hành pháp luật về quản lý xử lý vi phạm hành chính còn nhiều lúng túng; cán bộ thực hiện công tác này còn kiêm nhiệm đã qua tập huấn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính nhưng việc tiếp cận thực tế còn ít kinh nghiệm.

Công tác kiểm tra, thanh tra thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính chỉ thực hiện kiểm tra lồng ghép trong các cuộc thanh tra hành chính, chuyên ngành từ đó hiệu quả chưa cao.

Việc phối hợp giữa các ngành, cơ quan chức năng trong xử lý vi phạm



hành chính. Công tác thi hành pháp luật về quản lý xử phạt vi phạm hành chính là một hoạt động mới và khó, đòi hỏi phải có sự đầu tư nghiên cứu, sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng chuyên môn và các đơn vị trong tổ chức, triển khai thực hiện. Thế nhưng thực tế việc phối hợp vẫn chưa đồng bộ, thiếu tính nhịp nhàng và thiếu thường xuyên. Một số cơ quan, đơn vị chưa xác định rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác quản lý nhà nước bằng pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ của mình; từ đó hạn chế trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của người dân; việc phân công, bố trí cán bộ thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính còn coi nhẹ, chưa thực sự quan tâm đúng mức. Bên cạnh đó, một số cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính chưa kiến nghị và kịp thời xử lý vi phạm; lúng túng về thủ tục, làm vụ việc bị kéo dài, thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính còn chậm, công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị địa phương trong việc thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa được nhanh chóng, thống nhất và còn nhiều bất cập.

3.2. Nguyên nhân khách quan

Phạm vi thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính rất rộng, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực quản lý Nhà nước khác nhau, do đó rất khó khăn kiểm soát, nhận diện một cách đầy đủ, chính xác các hành vi vi phạm hành chính được quy định trong các nghị định xử phạt vi phạm hành chính chuyên ngành.

Nhiều quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính chưa được rõ ràng, cụ thể, chưa phù hợp trong thực tiễn thi hành.

Nhiều hành vi vi phạm pháp luật chưa được bổ sung để xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Một số quy định về mức phạt tiền của các chức danh (Thanh tra viên, Chánh Thanh tra, Trưởng Đoàn Thanh tra chuyên ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn) còn chưa tuân thủ đúng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Việc tuyên truyền, phổ biến thi hành pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính chưa được triển khai sâu rộng đến người lao động để tổ chức thi hành.

4. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị hướng dẫn, quy định cụ thể Điều 74 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung nên có hướng dẫn cụ thể việc “trốn tránh”, “tri hoãn”.

Đề nghị Bộ Công Thương phối hợp, kiến nghị Bộ Tư pháp về vướng mắc khó khăn trong thực tiễn khi áp dụng khoản 1 Điều 126 Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hướng nghiên cứu tháo gỡ nhằm khắc phục thực trạng chưa thi hành quyết định xử phạt nhằm đảm bảo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính của lực lượng quản lý thị trường được thực hiện tốt hơn; đồng



thời đề nghị có quy định hướng dẫn cụ thể việc áp dụng thời hạn đình chỉ hoạt động trường hợp trong cùng một lần xử phạt đối với một cá nhân hoặc tổ chức có nhiều hành vi vi phạm bị xử phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn; xem xét, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, khắc phục bất cập, chưa thống nhất quy định.

Đề nghị Tổng cục Quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên quan tâm công tác bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu việc áp dụng Luật Xử lý vi phạm hành chính nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong quá trình xử lý vụ việc vi phạm hành chính, nhất là trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, sở hữu trí tuệ, hàng giả và chất lượng hàng hóa.

Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức hội nghị để lấy ý kiến các Bộ, ngành về các bất cập, chồng chéo giữa các nghị định xử phạt vi phạm hành chính do các Bộ, ngành chủ trì xây dựng trình Chính phủ ban hành. Đồng thời, thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo trao đổi kinh nghiệm trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Đề nghị tạo điều kiện về tổ chức bộ máy, nhất là biên chế thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính tại địa phương và các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ này.

Trên đây là báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp báo cáo Chính phủ./. H

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P.NC;
- Lưu: VT, hvathien "HT".

CHỦ TỊCH

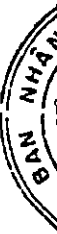


Lâm Minh Thành



BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Báo cáo số 29 /BC-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Cơ quan/đơn vị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Tổng số vụ vi phạm			Tổng số đối tượng bị xử phạt						Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính					
		Số vụ bị xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự	Số vụ áp dụng biện pháp thay thế nhắc nhở đối với người chưa thành niên	Tổ chức	Cá nhân				Đối tượng khác bị xử phạt như cá nhân (hộ gia đình, cộng đồng dân cư,...)		Số quyết định đã thi hành	Số quyết định hoãn, miễn, giảm	Số quyết định bị cưỡng chế thi hành	Số quyết định bị khiếu nại, khởi kiện	Tổng số tiền phạt thu được	Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu
						Nam		Nữ									
						Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên	Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
I	CẤP TỈNH	25.421	103	02	2.404	19.625	4.516	1.525	429	119	28.379	2.3470	0	04	0	60.503.853.378	6.572.514.500
01	Sở Công Thương	01					01				01	01				25.000.000	
02	Sở Giáo dục và Đào tạo	01					01	-	-		01	01	-	-	-	3.000.000	
03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	19	-	-	19	-	-	-	-	-	19	15	-	-	-	377.500.000	
04	Sở Tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
05	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Kiên Giang	3	-	-	3	-	-	-	-	-	5	5	-	-	-	66.500.000	
06	Bảo hiểm xã hội	03			03						03						
07	Cục Thống kê	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
08	Cục Thuế	2.296	-	-	1.869	-	79	0	7	73	1.691	1080	-	-	-	11.378.600.000	
09	Công an tỉnh	21.045	99	2	168	19.625	2.818	1.525	288		24.424	20.420	-	-	-	33.376.188.000	4.751.855.000
10	Sở Tài nguyên và Môi trường	60	-	-	41		15		4	-	60	49	-	4	-	2.325.000.000	-
11	Kho bạc Nhà nước	36	-	-	28	-	-	-	-	-	36	36	-	-	-	64.500.000	-



STT	Cơ quan/đơn vị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Tổng số vụ vi phạm			Tổng số đối tượng bị xử phạt						Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính					
		Số vụ bị xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự	Số vụ áp dụng biện pháp thay thế nhắc nhở đối với người chưa thành niên	Tổ chức	Cá nhân				Số quyết định đã thi hành		Số quyết định hoãn, miễn, giảm	Số quyết định bị cưỡng chế thi hành	Số quyết định bị khiếu nại, khởi kiện	Tổng số tiền phạt thu được	Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu	
						Nam		Nữ									Đối tượng khác bị xử phạt như cá nhân (hộ gia đình, cộng đồng dân cư,...)
						Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên	Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên								
12	Sở xây dựng	05	-	-	5	-	-	-	-	-	5	5	-	-	-	245.000.000	-
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	511	03	-	-	-	531	-	38	-	656	393	-	-	-	5.659.000.000	1.602.000
14	Sở Lao động thương binh và Xã hội	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
15	Sở Giao thông vận tải	1.077	-	-	154	-	922	-	-	-	1.077	1.077	-	-	-	3.000.000.000	-
16	Sở Khoa học và Công nghệ	11	-	-	06	-	-	-	-	05	11	11	-	-	-	67.250.000	-
17	Sở Thông tin và Truyền thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Ban Dân tộc	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Cục Hải Quan	16	-	-	16	-	-	-	-	-	16	16	-	-	-	115.278.500	723.423.000
20	Ban Quản lý khu kinh tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
21	Cục Thi hành án dân sự	1	-	-	-	-	-	-	1	-	1	1	-	-	-	3.000.000	-
22	Sở Du lịch	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
23	Sở Nội vụ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Cục Quản lý thị trường	333	1	-	91	-	148	-	90	41	370	357	-	-	-	3.760.535.878	1.095.634.500
25	Sở Văn hóa và Thể thao	3	-	-	1	-	1	-	1	-	3	3	-	-	-	37.500.000	-
26	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Kiên Giang	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
27	Thanh Tra tỉnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

11/4/2017 10:30:00 AM

STT	Cơ quan/đơn vị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Tổng số vụ vi phạm			Tổng số đối tượng bị xử phạt						Kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính							
		Số vụ bị xử phạt vi phạm hành chính	Số vụ chuyển truy cứu trách nhiệm hình sự	Số vụ áp dụng biện pháp thay thế nhắc nhở đối với người chưa thành niên	Tổ chức	Cá nhân						Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính	Số quyết định đã thi hành	Số quyết định hoãn, miễn, giảm	Số quyết định bị cưỡng chế thi hành	Số quyết định bị khiếu nại, khởi kiện	Tổng số tiền phạt thu được	Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu
						Nam		Nữ		Đối tượng khác bị xử phạt như cá nhân (hộ gia đình, cộng đồng dân cư,...)								
						Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên	Dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi trở lên									
II	CẤP HUYỆN	23.066	113	59	22	1.479	11.891	177	2.388	-	15.930	14.027	469	13	5	24.032.146.000	895.577.000	
01	UBND huyện Tân Hiệp	787	01	-	-	18	655	4	145	-	822	806	1	-	-	1.280.975.000		
02	Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá	5.365	28	-	13	356	4.702	63	1.088	-	6.130	5.676	308	9	-	10.685.470.000	567.650.000	
03	Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương	1.628	15	5	1	184	1.429	11	323	-	1.948	1.755	-	-	-	3.038.520.000	266.807.000	
04	Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải	627	18	0	7	35	584	10	170	0	747	601	-	-	2	442.960.000	-	
05	Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thuận	757	7	-	-	10	895	-	129	-	1.017	735	-	-	-	803.125.000	-	
06	Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành	377	-	4	1	10	424	1	59	-	472	429	-	2	2	834.375.000	43.200.000	
07	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	999	7	-	-	-	999	-	-	-	1.190	900	-	-	-	2.082.000.000	-	
08	Ủy ban nhân dân huyện An Minh	1.025	34	50		835	359	80	132		1.406	1.141	156			1.624.735.000		
09	Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao	9867	-	-	-	31	687	8	329	-	1.055	876	4	-	1	1.075.986.000	17.920.000	
10	Ủy ban nhân dân huyện U Minh Thượng	1.634	3	-	-		1.157		13	-	1.143	1.108	-	2	-	2.164.000.000		
Tổng cộng: I+II		48.487	216	61	2.426	21.104	16.407	1.702	2.817	119	44.309	37.497	469	17	5	84.535.998.378	7.468.091.500	

Giải thích Mẫu số 1:

(*) Mẫu này dùng để tổng hợp số liệu báo cáo về tình hình xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành và địa phương.

(1) Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập báo cáo.

* Cột (2) Ghi tên của từng cơ quan/đơn vị đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong kỳ báo cáo:

- Đối với UBND cấp tỉnh: Ghi cụ thể tên của cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo địa bàn (UBND các cấp) và tên của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;
 - Đối với UBND cấp huyện: Ghi cụ thể tên của cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo địa bàn (UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, đơn vị hành chính tương đương và UBND cấp xã) đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;
 - Đối với UBND cấp xã: Ghi cụ thể tên của UBND xã, phường, thị trấn đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;
 - Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Ghi cụ thể tên của cơ quan/đơn vị trực thuộc có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo.
 - Đối với các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc (cơ quan ở cấp tỉnh): Ghi cụ thể tên của các cơ quan/đơn vị trực thuộc có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;
 - Đối với các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc (cơ quan ở cấp huyện): Ghi cụ thể tên của các cơ quan/đơn vị trực thuộc có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, đơn vị hành chính tương đương và ở cấp xã (nếu có) đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo;
 - Đối với các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc (cơ quan ở cấp xã (nếu có)): Ghi cụ thể tên cơ quan/đơn vị đã ban hành quyết định xử phạt trong kỳ báo cáo.
- * Cột (17) và (18) đơn vị tính: Việt Nam đồng.





TỔNG HỢP SỐ LIỆU BÁO CÁO VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH

theo Báo cáo số 29 /BC-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Biện pháp xử lý hành chính	Tổng số đối tượng bị lập hồ sơ đề nghị		Tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính		Tổng số đối tượng là người chưa thành niên được áp dụng biện pháp thay thế quản lý tại gia đình		Tình hình tổ chức thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính				
		Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Tổng số đối tượng đang chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được tạm đình chỉ chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được giảm thời hạn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được hoãn chấp hành quyết định	Tổng số đối tượng được miễn chấp hành thời gian còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Giáo dục tại xã, phường, thị trấn	262	1	246	7	2	0	130	0	0	0	0
2	Đưa vào trường giáo dưỡng	02	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc	02	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc	319	56	312	58	0	0	322	01	0	0	356

Giải thích Mẫu số 2:

(*) Mẫu này dùng để tổng hợp số liệu báo cáo về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

(1) Chữ viết tắt tên của cơ quan lập báo cáo.

(2) Tên của cơ quan lập báo cáo.

- UBND cấp xã: Ghi đầy đủ số liệu đối với Biện pháp xử lý hành chính “Giáo dục tại xã, phường, thị trấn” đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên địa bàn;

- UBND cấp huyện: Ghi đầy đủ số liệu đối với tất cả các biện pháp xử lý hành chính đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên địa bàn;

- UBND cấp tỉnh: Ghi đầy đủ số liệu (từ cột (3) đến cột (8)) đối với tất cả các biện pháp xử lý hành chính đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên địa bàn;

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Ghi đầy đủ số liệu đối với Biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn quốc;

- Bộ Công an: Ghi đầy đủ số liệu đối với các biện pháp xử lý hành chính “Giáo dục tại xã, phường, thị trấn”, “Đưa vào trường giáo dưỡng” và “Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc” đã thực hiện trong kỳ báo cáo trên phạm vi toàn quốc.